

Bản án số: 837/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 430/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3165/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông NĐ, sinh năm 1961; địa chỉ: 15848 Rica Vista Way, San Jose, CA 95127; địa chỉ liên hệ: 14 -16, Tôn Đản, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Phạm Đức H, sinh năm 1993; địa chỉ: 14 -16, Tôn Đản, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đức H: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Thanh Hà, Quảng Thành, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên hệ: 14 -16, Tôn Đản, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 22/12/2022 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé, số 31 Lê Thạch, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim BĐ, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 135, khu phố T1, phường T2, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Phạm Tiến Thiên U, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 539, Đại lộ Bình Dương, phường T3, thành phố T4, tỉnh Bình Dương (có mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Huỳnh Thế D, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 104/5, Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank); địa chỉ trụ sở chính: Số 191, Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Quang A – Giám đốc khối quản trị ngân hàng (vắng mặt).

Người người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang A: Ông Lương Hồng B, sinh năm 1972 – Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2021) (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông NĐ là ông Phạm Đức H trình bày:*

Khoảng đầu năm 2019, thông qua ứng dụng kết bạn Vietcupid, ông NĐ và bà Nguyễn Thị Kim BĐ có làm quen với nhau. Bà BĐ sử dụng tên tài khoản là Loan Nguyễn. Sau nhiều lần nói chuyện qua lại, bà BĐ biết ông NĐ có ý định về Việt Nam đầu tư bất động sản nên có giới thiệu về nhân thân và các mối quan hệ. Bà BĐ cũng cho biết mình đang làm trong lĩnh vực bất động sản nên am hiểu thủ tục thị trường. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người có quốc tịch Mỹ, không được đứng tên quyền sử dụng đất tại Việt Nam nên bà BĐ ngỏ ý mượn tiền của nguyên đơn để đầu tư. Bà BĐ là người đi mua nhà đất, đứng tên nếu bán được trả lại tiền cho nguyên đơn và chia tiền lời vì đã cho bà BĐ mượn tiền. Ngày 03/7/2019, bà BĐ đã mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ

thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, tài khoản Việt Nam đồng 1903445254601 và tài khoản USD số 19134452546016. Do sự tin tưởng ngày 04/7/2019, nguyên đơn đã chuyển số tiền cho bị đơn bà BĐ 50.000 USD (năm mươi ngàn).

Ngày 06/7/2019, nguyên đơn chuyển số tiền 65.000 USD cho bị đơn và ngày 22/10/2019, nguyên đơn chuyển tiếp số tiền 50.000 USD, các lần chuyển tiền đều chuyển vào tài khoản 19134452546016 của bà BĐ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank); địa chỉ: Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội và số tiền USD được chuyển từ ngân hàng bên Mỹ.

Ngày 15/7/2019, ông NĐ có mượn và nhờ ông Lâm Huỳnh Thế D chuyển vào tài khoản số 1903445246011 của bà Nguyễn Thị Kim BĐ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 1.000.000.000 đồng (*một tỷ Việt Nam đồng*). Số tiền này, bà BĐ mượn để mua xe ô tô mới hiệu Honda HR-V, 04 chỗ màu trắng, trước đây bà BĐ đi xe Toyota Yaris. Bà BĐ hứa hẹn sau khi bán xe cũ (xe Toyota Yaris) sẽ trả lại số tiền đã mượn cho ông NĐ. Sau đó, ông NĐ biết được bà BĐ đã bán chiếc xe Toyota Yaris cũ với giá khoảng hơn 500.000.000 đồng, nhưng không chuyển tiền trả lại cho ông NĐ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim BĐ phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà ông NĐ đã chuyển cho bà BĐ là 165.000 USD (một trăm sáu mươi lăm nghìn đô la Mỹ) tương đương 3.842.850.000 đồng (ba tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank ngày 13/3/2020 và 1.000.000.000 Việt Nam đồng (một tỷ Việt Nam đồng).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ là ông Phạm Tiến Thiên U trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim BĐ và nguyên đơn ông NĐ không có bất kỳ mối quan hệ làm ăn gì, việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà BĐ phải hoàn trả số tiền 165.000 USD tương đương 3.842.850.000 đồng và 1.000.000.000 Việt Nam đồng là không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp phía nguyên đơn cho rằng yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở thì nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có xác nhận của các tổ chức tín dụng. Đối với số tiền 1.000.000.000 Việt Nam đồng nguyên đơn cho rằng cháu nguyên đơn là Lâm Huỳnh Thế D gửi dùm nguyên đơn phải cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh giao dịch vay của nguyên đơn và ông D và việc nhờ gửi dùm sau giao dịch vay. Trường hợp không cung cấp được thì ông Lâm Huỳnh Thế D có thể khởi kiện bà BĐ để đòi lại số tiền 1.000.000.000 Việt Nam đồng nếu có căn cứ.

Ngày 25/01/2021, bị đơn có đơn phản tố đối với nguyên đơn như sau: Vào ngày 05/7/2019, ông NĐ có vay bị đơn số tiền 100.000.000 đồng do mối quan hệ quen biết, thân thiết với nhau nên tin tưởng và giao tiền cho ông NĐ nên không làm giấy tờ, ngược lại nguyên đơn hứa 06 tháng trả lại. Tuy nhiên đến nay, phía nguyên đơn ông NĐ không trả lại tiền cho bị đơn bà BĐ, bị đơn bà BĐ có thông báo nhiều lần cho nguyên đơn ông NĐ nhưng chỉ hứa mà không trả lại tiền cho bị đơn bà BĐ. Bị đơn bà BĐ yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn ông NĐ phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Huỳnh Thế D trình bày:*

Ông D và ông NĐ có quan hệ chú cháu. Năm 2019, ông được biết ông NĐ đã nhiều lần về Việt Nam và có ý định đầu tư bất động sản và có quen biết người phụ nữ tên Loan ở Bình Dương có lần ông Tran đi xem các dự án nhà đất ở Bình Dương và các tỉnh lân cận.

Vào khoảng tháng 7 năm 2019, ông Tran có mượn và nhờ tôi chuyển vào tài khoản số 1934452546011 của bà Nguyễn Thị Kim BĐ tại Ngân hàng Techcombank tại Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.000.000.000 Việt Nam đồng. Ngày 15/7/2019, tôi đã thực hiện việc chuyển tiền cho bà BĐ số tiền 1.000.000.000 Việt Nam đồng vào tài khoản trên, nội dung chuyển khoản được ghi “chuyển theo yêu cầu của ông NĐ” do bị giới hạn số ký tự theo tôi được biết số tiền này bà BĐ mượn của ông NĐ để mua xe ô tô. Việc ông NĐ mượn tiền tôi và nhờ tôi chuyển vào tài khoản bà BĐ, ông NĐ có trách nhiệm trả lại số tiền mượn ngân hàng, đây là giữa ông và ông NĐ, tự hai người giải quyết và ông không có yêu cầu độc lập ông NĐ phải trả tiền cho ông trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) trình bày:*

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng là ông Lương Hồng B – Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2021) trình bày: Ngày 15/7/2019, ông Lâm Huỳnh Thế D có số tài khoản 19029004343017 (được mở tại Techcombank – Chi nhánh Bảy Hiền Thành phố Hồ Chí Minh) có chuyển số tiền 1.000.000.000 Việt Nam đồng vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kim BĐ số tài khoản 19034452546011 (chi nhánh Bình Dương) với nội dung giao dịch chuyển tiền theo yêu cầu của anh Tam, giao dịch thực hiện trực tuyến qua internetbanking với số bút toán FT19196383493758. Do khách hàng thực hiện lệnh chuyển tiền trên hệ thống internetbanking nên không có chứng từ chuyển tiền/ủy nhiệm chi của giao dịch.

Trong ngày sau khi nhận được số tiền của ông D chuyển vào tài khoản 19034452546011 thì bà BĐ có thực hiện giao dịch chuyển khoản vào các tài khoản cho đối tác với nội dung thanh toán cho hợp đồng mua xe và giao dịch

được thực hiện trên internetbanking nên Techcombank không có hồ sơ chứng từ chuyển tiền/ ủy nhiệm chi.

Ngân hàng có ý kiến là bên cung cấp dịch vụ chuyển khoản giữa ông D và bà BĐ, giao dịch chuyển tiền qua tài khoản thông qua internetbanking thực hiện theo đúng ý chí của tài khoản và đúng theo thủ tục quy định của ngân hàng điện tử của Techcombank. Ngân hàng không có ý kiến đối với nội dung tranh chấp kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn ông NĐ và bà Nguyễn Thị Kim BĐ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:*

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ đối với nguyên đơn ông NĐ về số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NĐ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim BĐ phải trả cho nguyên đơn ông NĐ số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và  $165.000 \text{ USD} \times 23.010 = 3.796.650.000$  đồng (ba tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo tỷ giá ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank ngày 24/12/2021 với tổng số tiền 4.796.650.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 31/12/2021, bà Nguyễn Thị Kim BĐ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ, có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Tiến Thiên U trình bày: vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì ông NĐ chuyển tiền cho bà BĐ, sau đó bà BĐ đã rút tiền đưa lại cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án phí cho bị đơn, do bà BĐ nợ nần nhiều, không có khả năng chi trả.

Nguyên đơn ông NĐ có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc G đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NĐ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà BĐ và giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Huỳnh Thế D (bút lục số 101) và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam có đơn đề ngày 07/12/2022, đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét căn cứ về việc chuyển khoản số tiền tranh chấp:

[2.1.1] Xét số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng được chuyển từ tài khoản của ông Lâm Huỳnh Thế D:

Theo tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm có đầy đủ căn cứ để xác định ngày 15/7/2019, ông D đã chuyển từ tài khoản số 19029004343017 của ông D đến tài khoản số 19034452546011 của bà BĐ tại cùng Ngân hàng Techcombank với nội dung “chuyển theo yêu cầu của ông NĐ”. Bà BĐ đã nhận được số tiền này và thực hiện giao dịch chuyển số tiền này cho người khác với nội dung thanh toán hợp đồng mua xe. Qua đó, thể hiện việc bà BĐ đã thực tế nhận được số tiền này và sử dụng cho mục đích cá nhân. Bà BĐ không thừa nhận số tiền này nhưng cũng không chứng minh được số tiền này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà BĐ và không có chứng cứ đã hoàn trả số tiền này cho ông NĐ hay ông D.

Tuy việc chuyển số tiền nêu trên xuất phát từ tài khoản gửi của ông D, nhưng ông D đã xác nhận ông NĐ là chủ sở hữu số tiền này và không yêu cầu

Toà án giải quyết việc xác định số tiền này thuộc sở hữu của ông. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 1.000.000.000 đồng nêu trên thuộc sở hữu của ông NĐ và ông Tâm có quyền yêu cầu Toà án buộc bà BĐ có nghĩa vụ phải trả lại số tiền này.

[2.1.2] Xét số tiền 165.000 USD được chuyển từ ông NĐ:

Căn cứ vào các phiếu chuyển do ông NĐ cung cấp và Công văn số 7753-09/2020/TGD-TCB ngày 23/12/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương thì có đủ căn cứ xác định bà BĐ đã nhận được tổng số tiền 165.000 USD từ ông NĐ cụ thể như sau:

- Ngày 05/7/2019, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ số tiền 50.000 USD.

- Ngày 08/7/2019, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn 65.000 USD.

- Ngày 23/10/2019, nguyên đơn chuyển tiếp cho bị đơn số tiền 50.000 USD.

Bà BĐ đã trực tiếp rút toàn bộ số tiền này. Qua đó, có đầy đủ chứng cứ xác định bà BĐ đã thực tế nhận số tiền 165.000 USD từ ông NĐ.

[2.2] Xét mục đích chuyển tiền:

Do nguyên đơn khởi kiện cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ làm ăn, cụ thể nguyên đơn gửi tiền cho bị đơn thực hiện đầu tư bất động sản. Sau đó, hai bên sẽ cùng chia tiền lời. Nhưng nguyên đơn không chứng minh được giữa các bên có thoả thuận này. Tuy nhiên, nguyên đơn đã chứng minh được thực tế có chuyển cho bị đơn số tiền nêu trên như đã phân tích ở mục [2.1].

Đối với bị đơn, mặc dù bị đơn không thừa nhận việc đã nhận của nguyên đơn số tiền 165.000 USD và 1.000.000.000 đồng nhưng các chứng cứ do nguyên đơn và Ngân hàng Techcombank đã cung cấp ở trên thể hiện rõ việc bị đơn đã nhận được thông qua chuyển khoản và đã sử dụng số tiền này. Đồng thời, bị đơn không chứng minh được việc chiếm hữu hợp pháp số tiền này.

Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ và đánh giá chứng cứ một cách khách quan. Bên cạnh đó, Toà án cấp sơ thẩm cũng ra thông báo đối chất để làm rõ vấn đề nhưng bị đơn không tham gia phiên đối chất. Vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng Việt Nam và 165.000 USD x 23.010 = 3.796.650.000 đồng (theo tỷ giá ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank ngày 24/12/2021 với tổng số tiền 4.796.650.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố này hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xem xét thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố này là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (sau đây viết tắt là Nghị quyết 326). Do đó, ông ND được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044563 ngày 24/4/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định nghĩa vụ chịu án phí này nhưng không giải quyết việc trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn tại phần quyết định của bản án sơ thẩm là thiếu sót.

Bà BĐ có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 112.796.650 đồng tương ứng với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền án phí bà BĐ phải nộp là 117.796.650 đồng là không đúng quy định pháp luật.

Do bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên không phải chịu án phí đối với yêu cầu này theo Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326. Do đó số tiền tạm ứng án phí bà BĐ đã nộp là 2.500.000 đồng khấu trừ vào số tiền án phí phải chịu nêu trên. Vậy số tiền án phí bà BĐ phải nộp thêm là 110.296.650 đồng.

Qua đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà BĐ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000111 ngày 19/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ và sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 38; các Điều 147, 217, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ đối với nguyên đơn ông NĐ về số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông NĐ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim BĐ về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim BĐ phải trả cho nguyên đơn ông NĐ số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và  $165.000 \text{ USD} \times 23.010 = 3.796.650.000$  đồng (ba tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo tỷ giá ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank ngày 24/12/2021 với tổng số tiền 4.796.650.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim BĐ chậm thi hành số tiền trên, thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông NĐ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông NĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 (Năm mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044563 ngày 24/4/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Kim BĐ có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.796.650 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0044923 ngày 24/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (do ông Phan Hoài Đông nộp thay). Bị đơn bà BĐ còn phải nộp số tiền là 110.296.650 đồng.

**4. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Kim BĐ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà BĐ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0000111 ngày 19/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồ Tâm Tú**

**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**

**Trần Thị Hòa Hiệp**